TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Minh Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 11a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T1, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn Đt, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (bà Bùi Thị T) trình bày:

Bà T và ông Vũ Văn T1 kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là Uỷ ban nhân dân xã Q), huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 10 năm 1999. Quá trình chung sống, ông bà sống hoà thuận được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, một phần do ông T1 không quan tâm đến gia đình, không tin tưởng bà T, thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà T dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống

hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng ông bà đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Bà T khẳng định, hiện bà không còn tình cảm với ông T1, vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn ông T1. Bà T và ông T1 có 03 con chung là Vũ Thế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1999; Vũ Thị Ngọc A1, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2004 và Vũ Thanh T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2017. Hai con lớn đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên bà T không yêu cầu Toà án giải quyết; con Thanh T2 hiện đang ở với ông T1. Khi ly hôn, bà T đồng ý để ông T1 trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con, bà T xin tự thoả thuận với ông T1, không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 trình bày, xác nhận về thời gian kết hôn, thời điểm sống ly thân, con chung là hoàn T1 đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông bà là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù ông và bà T đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai thời gian dài nhưng ông T1 không đồng ý ly hôn bà T. Kể từ khi ông bà sống ly thân đến nay ông T1 có tìm bà T để hoà giải nhưng không có kết quả, ông T1 không còn giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp nếu phải ly hôn, ông T1 đề nghị Toà án giao con Thanh T2 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con ông xin tự giải quyết với bà T, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hai con Thế A và Ngọc A1 đều đã thành niên nên không phải nuôi dưỡng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Ông T1 và bà T có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Ông bà có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đoàn Kết, xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, ông bà chung sống hoà thuận được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng nghi ngờ nhau ngoại tình nên thường xuyên cãi nhau. Ông bà sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Ông bà có 03 con chung như bà T, ông T1 khai. Kể từ khi ông bà sống ly thân, con Thanh T2 do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Hai con lớn là Thế Anh và Ngọc Anh đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Trường hợp nếu ông bà phải ly hôn, Toà án nên tiếp tục giao con Thanh T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc để đảm bảo tâm sinh lý cho cháu Tâm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố

tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn ông Vũ Văn T1; giao con Vũ Thanh T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2017 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai con Vũ Thế A, sinh ngày 16 tháng tháng 10 năm 1999 và Vũ Thị Ngọc A1, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2004 đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Các đương sự đều xin tự thoả thuận về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Bà T phải bàu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; ông Vũ Văn T1 là bị đơn, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (bà T) vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn (ông T1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông T1.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Vũ Văn T1 được xác lập từ ngày 10 tháng 10 năm 1999 là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, ông T1 không đồng ý ly hôn bà T. Xét thấy, mặc dù ông T1 không đồng ý ly hôn bà T nhưng đã thừa nhận vợ chồng sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai; ông T1 cũng không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ; trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án bà T khẳng định bà T không còn tìn cảm với

ông T1. Do đó có thể thấy lời khai của bà T hoàn T1 phù hợp với lời khai của ông T1 và kết quả xác minh tại địa phương. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho bà T được ly hôn ông T1.

[4] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Vũ Thế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1999; Vũ Thị Ngọc A1, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2004 và Vũ Thanh T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2017. Từ khi ông bà sống ly thân đến nay con Thanh T2 do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn, ông T1 đề nghị Toà án tiếp tục giao con Thanh T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi con Thanh T2 của ông T1. Xét thấy, ông T1 có nơi ở, thu nhập ổn định, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông T1 phù hợp với quan điểm của bà T về người trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tâm nên cần chấp nhận yêu cầu nhận trực tiếp nuôi con Thanh T2 của ông T1. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho ông T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thanh T2 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con, các đương sự xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các con Vũ Thế A và Vũ Ngọc A1 đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng, không đương sự nào yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Vũ Văn T1.

2. Về con chung: Giao con Vũ Thanh T2, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2017 cho ông Vũ Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các con chung: Vũ Thế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1999 và Vũ Thị Ngọc A1, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2004 đều đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải bàu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009177 ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 07/1999);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang